

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE
HÀ NỘI**

UBND PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH, HBT - HN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 05 -12- 2013
Số chứng: 207 Quyển số: 12 SCT/BS



CHỦ TỊCH
Hoàng Thanh Thủy



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	13 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Quản lý bến xe Hà Nội là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích và chịu sự quản lý nhà nước của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1818/QĐ-UB ngày 25 tháng 5 năm 1996 và Quyết định số 4218/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000377 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 14 tháng 5 năm 2004 theo Quyết định số 72/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng Công ty Vận tải Hà Nội thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, Công ty trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 4 lần được cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về vốn kinh doanh, người đại diện pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4, ngày 25 tháng 01 năm 2011: 9.800.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3 864 2439

Fax : (04) 3 864 4536

Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 5 2 8

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là :

- Kinh doanh khai thác bến xe, điểm đỗ xe;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải và dịch vụ khác;
- Quản lý và khai thác bến thủy nội địa do Thành phố và Sở giao thông công chính giao;
- Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 29).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Trung	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Quản lý bến xe Hà Nội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Trung

Ngày 22 tháng 5 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 244/2012/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI**

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Quản lý bến xe Hà Nội gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 5 năm 2012, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn. Kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 01 tháng 6 năm 2011 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến: (i) không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2010; (ii) Chưa được cung cấp các tài liệu liên quan đến việc hạch toán bù trừ khoản phải nộp Ngân sách nhà nước về tiền thu sử dụng vốn đối với khoản vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Sakura Hà Nội Plaza với khoản phải thu Công ty Liên doanh Sakura Hà Nội Plaza.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 của Công ty chưa được điều chỉnh theo ý kiến của Kiểm toán viên năm trước (Xem thuyết minh VII.7).



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Quản lý bến xe Hà Nội tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2012

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.047.072.467	30.345.543.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.194.554.872	2.499.256.994
1. Tiền	111		4.716.839.172	2.499.256.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.477.715.700	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.347.617.595	3.502.322.373
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	271.188.940	1.250.939.500
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.319.063.253	2.140.156.085
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	757.365.402	111.226.788
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		504.900.000	343.963.798
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	373.798
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	504.900.000	343.590.000



CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.525.010.249	18.807.756.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.525.010.249	18.807.756.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	16.773.330.384	18.254.439.618
<i>Nguyên giá</i>	222		52.111.521.205	49.655.389.569
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35.338.190.821)	(31.400.949.951)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	214.920.320	491.888.939
<i>Nguyên giá</i>	228		858.488.085	858.488.085
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643.567.765)	(366.599.146)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	536.759.545	61.428.182
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	7.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.572.082.716	49.153.299.904

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.649.052.909	9.373.302.321
I. Nợ ngắn hạn	310		12.237.573.026	8.120.034.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.133.408.291	1.234.099.768
5. Phải trả người lao động	315		4.997.920.819	4.658.121.819
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.103.000.000	1.300.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	427.126.293	514.968.510
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.14	1.576.117.623	412.844.547
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.411.479.883	1.253.267.677
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.15	98.926.000	109.186.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.16	1.194.378.950	1.098.808.950
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		118.174.933	45.272.727
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.923.029.807	39.779.997.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	41.923.029.807	39.779.997.583
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.428.296.968	1.880.958.506
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.312.270.856	7.716.577.094
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		182.461.983	182.461.983
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.572.082.716	49.153.299.904

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Người lập biểu

Thạch Kim Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quế

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2012



Nguyễn Hoàng Trung

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75.348.194.730	66.133.303.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.348.194.730	66.133.303.983
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.553.250.699	57.493.945.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.794.944.031	8.639.358.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.517.345.486	1.512.318.508
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	5.181.519.385	5.325.744.616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.130.770.132	4.825.932.003
11. Thu nhập khác	31	VI.5	695.000	2.831.172.728
12. Chi phí khác	32		150.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		545.000	2.831.172.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.131.315.132	7.657.104.731
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.556.604.094	2.183.720.115
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.574.711.038</u>	<u>5.473.384.616</u>

Người lập biểu

Thạch Kim Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quế

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2012



Nguyễn Hoàng Trung

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.131.315.132	7.657.104.731
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.214.209.489	3.917.100.503
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.324.630.156)	(1.308.885.954)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.020.894.465	10.265.319.280
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	76.485.777	9.265.434.689
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.255.691.511	(13.688.061.457)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.658.213.831)	(3.918.196.409)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	229.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.310.010.000)	(7.085.358.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.384.847.922	(4.931.862.487)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.931.462.999)	(7.286.265.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	127.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(31.429.669.443)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.429.669.443	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.241.912.955	904.482.309
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.310.449.956	(11.254.510.805)

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-		-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-		-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>		<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.695.297.878		(16.186.373.292)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.499.256.994		18.685.630.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.194.554.872		2.499.256.994

Người lập biểu

Thạch Kim Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quế

Lập ngày 22 tháng 5 năm 2012



Nguyễn Hoàng Trung

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Nhà nước
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh khai thác bến xe, điếm đỗ xe
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 433 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 432 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

9. Nguồn vốn kinh doanh, trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	351.720.666	649.951.836
Tiền gửi ngân hàng	4.258.039.506	1.200.771.558
Tiền đang chuyển	107.079.000	648.533.600
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	17.477.715.700	-
Cộng	<u>22.194.554.872</u>	<u>2.499.256.994</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi	-	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.000.000.000	-
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	15.000.000.000
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội	18.979.340	104.800.000
Xí nghiệp xe điện Hà nội	75.358.350	86.692.500
Xí nghiệp xe buýt 10-10	48.672.900	79.615.500
Các đối tượng khác	128.178.350	979.831.500
Cộng	<u>271.188.940</u>	<u>1.250.939.500</u>

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Hương Giang	1.043.096.200	1.204.363.631
Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật	-	346.542.727
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	442.727.272	316.363.636
Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư phát triển thương mại Phương Đông	467.226.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại du lịch và Truyền thông 360 độ	132.372.504	-
Đối tượng khác	233.641.277	272.886.091
Cộng	<u>2.319.063.253</u>	<u>2.140.156.085</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	111.226.636	111.226.636
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	82.717.201	-
BHYT, BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	562.027.015	-
Phải thu khác	1.394.550	152
Cộng	<u>757.365.402</u>	<u>111.226.788</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của cán bộ, công nhân viên



CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	42.558.843.936	430.157.836	3.588.581.164	2.937.437.997	140.368.636	49.655.389.569
Tăng do mua sắm mới	1.775.673.598	59.795.091		610.512.947	10.150.000	2.456.131.636
Giảm trong năm						
Số cuối năm	44.334.517.534	489.952.927	3.588.581.164	3.547.950.944	150.518.636	52.111.521.205
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	17.058.246.505	-	1.006.857.828	1.664.950.210	64.068.636	19.794.123.179
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	27.627.176.878	158.220.596	1.595.734.010	1.932.435.936	87.382.531	31.400.949.951
Tăng do khấu hao trong năm	2.856.887.339	117.277.535	380.248.575	554.443.738	28.383.683	3.937.240.870
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	30.484.064.217	275.498.131	1.975.982.585	2.486.879.674	115.766.214	35.338.190.821
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	14.931.667.058	271.937.240	1.992.847.154	1.005.002.061	52.986.105	18.254.439.618
Số cuối năm	13.850.453.317	214.454.796	1.612.598.579	1.061.071.270	34.752.422	16.773.330.384

* H H *

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	858.488.085	(366.599.146)	491.888.939
Tăng trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(276.968.619)	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	858.488.085	(643.567.765)	214.920.320

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự án xây dựng bến xe				
Khuyến Lương	61.428.182	431.111.363	-	492.539.545
Cải tạo văn phòng công ty	-	44.220.000	-	44.220.000
Cộng	61.428.182	475.331.363	-	536.759.545

10. Đầu tư dài hạn khác

Là tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – chi nhánh Mê Linh

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.798.683	6.094.379.458	(5.688.996.499)	457.181.642
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.182.301.085	2.556.604.094	(2.658.213.831)	1.080.691.348
Thuế thu nhập cá nhân	(373.798)	455.063.095	(454.668.295)	21.002
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.927.961.061	(3.332.446.762)	2.595.514.299
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	1.233.725.970	15.040.007.708	(12.140.325.387)	4.133.408.291

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% đối với hoạt động kinh doanh nước sạch và 10% với hoạt động cung cấp dịch vụ.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.131.315.132	7.657.104.731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ	1.386.158.000	1.032.503.000
Phạt chậm nộp tiền thuê đất	636.041.038	-
Doanh thu chưa thực hiện	118.174.933	45.272.727
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Giảm trừ các khoản đã tính thuế năm trước	<u>(45.272.727)</u>	<u>-</u>
Thu nhập chịu thuế	10.226.416.376	8.734.880.458
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.556.604.094</u>	<u>2.183.720.115</u>

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Tiền thuê đất năm 2011 chưa được điều chỉnh lại theo các thông báo trong năm 2012 về số dư còn phải nộp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	593.000.000	700.000.000
Phạt chậm nộp tiền thuê đất	-	600.000.000
Chi phí phải trả khác	510.000.000	-
Cộng	<u>1.103.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN	-	235.828.110
Kinh phí công đoàn	424.582.293	279.140.400
Các khoản phải trả khác	2.544.000	-
Cộng	<u>427.126.293</u>	<u>514.968.510</u>

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	261.019.637	1.231.511.538	(869.310.000)	623.221.175
Quỹ phúc lợi	151.824.910	1.231.511.538	(430.440.000)	952.896.448
Cộng	412.844.547	2.463.023.076	(1.299.750.000)	1.576.117.623

(*) Công ty trích lập bằng 50% lợi nhuận còn lại (là lợi nhuận sau thuế TNDN trừ số trích 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính)

15. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

16. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.098.808.950	816.103.500
Số trích lập bổ sung	350.000.000	300.000.000
Số đã chi	(254.430.000)	(17.294.550)
Số cuối năm	1.194.378.950	1.098.808.950

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm trước	49.496.368.985	1.880.958.506	6.537.252.598	182.461.983	58.097.042.072
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.473.384.616	-	5.473.384.616
Tăng vốn từ tài sản nhận bàn giao	16.340.779.591	-	-	-	16.340.779.591
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối	2.385.851.424	-	(2.385.851.424)	-	-
Điều chuyển lên tổng công ty	(38.223.000.000)	-	-	-	(38.223.000.000)
Các khoản thuế bị truy thu	-	-	(1.908.208.696)	-	(1.908.208.696)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	1.880.958.506	7.716.577.094	182.461.983	39.779.997.583
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	1.880.958.506	7.716.577.094	182.461.983	39.779.997.583
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.574.711.038	-	5.574.711.038
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	(968.655.738)	-	(968.655.738)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	547.338.462	(3.010.361.538)	-	(2.463.023.076)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	2.428.296.968	9.312.270.856	182.461.983	41.923.029.807

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Là doanh thu dịch vụ cho thuê bến bãi

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ cho thuê kho bãi đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.324.630.156	1.188.194.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	192.715.330	324.124.063
Cộng	3.517.345.486	1.512.318.508

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.889.368.545	3.482.788.361
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.796.467	181.219.346
Chi phí khấu hao TSCĐ	455.769.770	1.181.529.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.575.748	86.235.213
Chi phí bằng tiền khác	550.008.855	393.971.901
Cộng	5.181.519.385	5.325.744.616

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	127.272.727
Hoàn nhập dự phòng	-	2.700.000.000
Thu nhập khác	695.000	3.900.001
Cộng	695.000	2.831.172.728

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.3 đến VII.6 dưới đây.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập	493.401.300	719.599.800

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm điều hành xe buýt	Trực thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp xe buýt 10-10	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp xe buýt Hà Nội	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp xe buýt Thăng Long	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp xe điện Hà Nội	Trực thuộc Công ty mẹ
Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng	Trực thuộc Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trung tâm điều hành xe buýt</i>		
Thuê địa điểm	-	14.400.000
<i>Trung tâm Tân Đạt</i>		
Thuê địa điểm	-	84.636.365
Dịch vụ bến	155.859.089	-
<i>Xí nghiệp xe buýt 10-10</i>		
Dịch vụ bến bãi	717.832.634	847.311.817
<i>Xí nghiệp xe buýt Hà Nội</i>		
Dịch vụ bến bãi	542.812.500	616.515.908
<i>Xí nghiệp xe buýt Thăng Long</i>		
Dịch vụ bến bãi	400.491.817	412.590.683
<i>Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội</i>		
Dịch vụ bến bãi	54.311.818	-
Thuê địa điểm	58.579.320	57.029.410
<i>Xí nghiệp xe điện Hà Nội</i>		
Dịch vụ bến bãi	875.844.409	850.659.544
<i>Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng</i>		
Dịch vụ bến bãi	149.379.547	-

✓ CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xí nghiệp xe buýt 10-10</i>		
Phải thu tiền dịch vụ bến bãi	48.672.900	79.615.500
<i>Xí nghiệp xe buýt Thăng Long</i>		
Phải thu tiền dịch vụ bến bãi	34.659.000	38.911.500
<i>Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội</i>		
Phải thu tiền thuê địa điểm	18.979.340	104.800.000
<i>Xí nghiệp xe điện Hà Nội</i>		
Phải thu tiền dịch vụ bến bãi	75.358.350	86.692.500
<i>Trung tâm hạ tầng vận tải công cộng</i>		
Phải thu tiền dịch vụ bến bãi	27.198.000	-
Cộng nợ phải thu	204.867.590	310.019.500

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.194.554.872	2.499.256.994	22.194.554.872	2.499.256.994
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	24.000.000.000	5.000.000.000	24.000.000.000
Phải thu khách hàng	271.188.940	1.250.939.500	271.188.940	1.250.939.500
Các khoản phải thu khác	1.262.265.402	454.816.788	1.262.265.402	454.816.788
Cộng	28.728.009.214	28.205.013.282	28.728.009.214	28.205.013.282
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả khác	7.821.352.062	7.681.085.279	7.821.352.062	7.681.085.279
Cộng	7.821.352.062	7.681.085.279	7.821.352.062	7.681.085.279

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Các khoản phải trả khác	6.528.047.112	1.293.304.950	-	7.821.352.062
Số đầu năm				
Các khoản phải trả khác	6.473.090.329	1.207.994.950	-	7.681.085.279

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 chưa được kiểm toán.

Chênh lệch số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) so với số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 theo Báo cáo tài chính của Công ty lập như sau:

	Mã số	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của A&C	Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 của Công ty	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu khách hàng	131	350.939.500	1.250.939.500	(900.000.000)
Các khoản phải thu khác	135	1.044.938.772	111.226.788	933.711.984
Tài sản cố định hữu hình	221	18.337.549.910	18.254.439.618	83.110.292
Tài sản cố định vô hình	227	472.749.154	491.888.939	(19.139.785)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.410.970.390	1.234.099.768	176.870.622
Chi phí phải trả	316	700.000.000	1.300.000.000	(600.000.000)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.137.929.571	514.968.510	622.961.061
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.829.900.488	412.844.547	2.417.055.941
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.418.082.048	1.880.958.506	537.123.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.660.248.419	7.716.577.094	(3.056.328.675)
Kết quả kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	56.810.835.580	57.493.945.872	(683.110.292)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.546.030.644	1.512.318.508	33.712.136
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.338.303.183	5.325.744.616	12.558.567
Chi phí khác	32	629.542.431	-	629.542.431
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	52	2.360.590.737	2.183.720.115	176.870.622
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.371.235.424	5.473.384.616	(102.149.192)

CÔNG TY QUẢN LÝ BẾN XE HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2, Bến xe phía Nam, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ảnh hưởng chênh lệch đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã điều chỉnh số dư đầu năm theo A&C	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa điều chỉnh số dư đầu năm theo A&C	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	757.365.250	757.365.402	(152)
Tài sản cố định hữu hình	221	16.856.440.676	16.773.330.384	83.110.292
Tài sản cố định vô hình	227	195.780.535	214.920.320	(19.139.785)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.324.811.940	4.133.408.291	191.403.649
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.993.173.564	1.576.117.623	2.417.055.941
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.965.420.510	2.428.296.968	537.123.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.230.658.079	9.312.270.856	(3.081.612.777)
Kết quả kinh doanh				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.483.633.350	3.517.345.486	33.712.136
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.548.176.060	2.556.604.094	8.428.034
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.549.426.936	5.574.711.038	25.284.102

Lập, ngày 22 tháng 5 năm 2012

Người lập biểu

Thạch Kim Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quý

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Trung

